TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mãnh

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 329/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hằng Ng, sinh năm 1994, (có mặt).

Địa chỉ: Số 43 Tổ 8 ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Liêu C, sinh năm 1991, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Dương Minh B- Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

4.1 Ông Phạm Hồng Ch, sinh năm: 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số 43 ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K.

4.2- Bà Thị H, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***-Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2018 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Phạm Thị Hằng Ng*:** Chị Ng và anh Liêu C tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình bên chồng ở ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K. Mâu thuẫn phát sinh vào đầu năm 2018. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Chị Ng trình bày ý do xin ly hôn**:** Do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, anh C thường xuyên xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị và của gia đình. Chị Ng xác định tình cảm vợ chồng với anh C không còn nên làm đơn xin ly hôn. Về con chung**: C**hị Ng xác định chung sống với anh C có 01 người con chung là cháu Liêu Phạm G, sinh ngày 12/8/2015. Chị Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Liêu C phải cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu G đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung nợ cha ruột là ông Phạm Hồng Ch tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu và nợ tiền mua sữa cho con tổng số tiền là 22.229.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng).

***- Tại bản tự khai và lời trính bày tại phiên tòa của bị đơn là anh Liêu C*:** Anh C đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Hằng Ng, vì những mâu thuẫn trong hôn nhân không thể hàn gắn để đoàn tụ được. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, anh C yêu cầu được nuôi cháu Liêu Phạm G và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng vì thu nhập của anh C ổn định 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng. Về tài sản chung: Anh C xác định trong quá trình chung sống anh C và chị Ng không tạo lập được tài sản chung, Về tài sản riêng: Anh C thừa nhận chị Ng có gửi ở nhà anh C 01 bàn máy may hiệu Senko và 01 tủ gỗ đựng quần áo, anh C đồng ý trả lại cho chị Ng sau khi giải quyết xong quan hệ hôn nhân. Về nợ chung: Anh Cg xác định vợ chồng không có nợ chung và không nợ tiền ông Ch như trình bày của chị Ng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Hồng Ch trình bày: Ông là cha ruột của chị Phạm Thị Hằng Ng, thời gian chị Ng và anh C chung sống với nhau mẹ ruột của anh Cg là bà Thị H có cho vợ chồng anh C chị Ng 05 công đất tại ấp T, xã P, thành phố R, tỉnh K. Vợ chồng anh C có nhờ ông Ch mua dùm thuốc trừ sâu và phân bón, mua dùm lúa giống và mua sữa cho cháu G uống, tổng số tiền là 22.229.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng). Ông cũng làm đơn khởi kiện yêu cầu anh C chị Ng phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Ch rút lại yêu cầu độc lập đối với anh C và chị Ng, không yêu cầu chị Ng và anh C thanh toán 22.229.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn

đồng).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Liêu C, khi anh C và chị Ng chung sống với nhau bà có cho vợ chồng anh C mượn 05 công đất để canh tác làm ăn. Việc mua phân bón lúa giống canh tác là bà tự bỏ tiền ra mua, tiền thu hoạch lúa do chị Ng bỏ nhà đi nên bà không đồng ý cho chị Ng số tiền này.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn- chị Phạm Thị Hằng Ng*: Yêu cầu được ly hôn với anh C, có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung là cháu Liêu Phạm G yêu cầu anh C cấp dưỡng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng. Không yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu trả nợ chung.

- *Bị đơn- anh Liêu C:* Đồng ý ly hôn chị Hằng Ng, có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Liêu Phạm G không yêu cầu cấp dưỡng, xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Hồng Ch:* Rút lại yêu cầu độc lập về việc buộc chị Hằng Ng và anh C thanh toán nợ, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thị H*: Không đồng ý cho tiền thu hoạch lúa cho chị Ng, không đồng ý yêu cầu ông Ch buộc anh C thanh toán nợ, yêu cầu chấp nhận cho anh C nuôi cháu G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiêntòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thẩm quyền giải quyết***:** Nguyên đơn chị Phạm Thị Hằng Ng khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Liêu C cư trú tại xã P, thành phố R, tỉnh K nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của phápluật.

*[1] Về quan hệ hôn nhân***:** Anh Liêu C và chị Phạm Thị Hằng N tự nguyện đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố R, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/11/2014. Nên hôn nhân của giữa chị Ng và anh C là hôn nhân là hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hằng Ng: Trong quá trình chung sống anh C

và chị Ng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thống nhất về quan điểm sống, giữa gia đình anh C và gia đình chị Ng cũng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, anh C và chị Ng cũng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị Ng là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng đối với anh C là hoàn toàn phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về con chung: Anh Liêu C và chị Phạm Thị Hằng Ng có 01 người con chung là cháu Liêu Phạm G, sinh ngày 12/8/2015. Hiện tại cháu G đang sống chung với chị Ng và phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Do đó cần giữ nguyên môi trường sống tạo điều kiện cho cháu G được phát triển bình thường, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Giang cho chị Phạm Thị Hằng Ng tiếp tục nuôi dưỡng.

*[5] Về cấp dưỡng nuôi con***:** Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Hằng Ng yêu cầu anh Liêu C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu hai trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa anh C khai mức thu nhập 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/ tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Hằng Ng. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh C và nhu cầu thiết yếu của cháu G.

[6] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị Ng yêu cầu chia 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là tiền thu hoạch lúa do anh C đang giữ. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Ng phù hợp quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị Ng.

*[7] Về nợ chung***:** Ông Phạm Hồng Ch có khởi kiện yêu cầu độc lập buộc chị Ng và anh C thanh toán 22.229.000 (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Ch rút lại yêu cầu này, xét việc rút yêu cầu khởi kiện của ông phù hợp quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Ch.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008440 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Chị Ng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 3.412.000 đồng (Ba triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng). Do ông Ch rút lại yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự trả lại ông Ch 555.715 đồng (Năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 227, Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84; Điều 116 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hằng Ng được ly hôn với anh Liêu C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Liêu Phạm G, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Hằng Ng nuôi dưỡng. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh C cấp dưỡng nuôi cháu Gi mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Gi đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Hằng Ng. Đình chỉ khởi kiện độc lập của ông Phạm Hồng Ch đối với yêu cầu chị Ng, anh C trả số tiền 22.229.000 (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng).

4. Về án phí ly hôn : Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008440 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Chị Ng được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 3.412.000 đồng (Ba triệu bốn trăm mười hai ngàn

đồng). Ông Phạm Hồng Ch được hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 555.715 đồng (Năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008564 ngày 25/10/2014 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Anh C chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

*** Nơi nhận :**
- TAND Tỉnh KiênGiang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu ./.

Đinh Trần Mộng Thúy